

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 24 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SAB	23/04/2026	48.2	3.372.400	684.560	4.93
2	VCB	23/04/2026	62.8	35.200.000	7.337.080	4.8
3	PVP	23/04/2026	17.95	2.822.600	615.397	4.59
4	KLB	23/04/2026	14.5	988.500	298.667	3.31
5	BID	23/04/2026	41.6	23.927.000	8.051.770	2.97
6	CTG	23/04/2026	35.5	22.294.300	7.780.947	2.87
7	DTD	23/04/2026	17.3	572.500	219.093	2.61
8	CTD	23/04/2026	86.7	2.035.000	839.470	2.42
9	VPI	23/04/2026	59.2	5.878.000	2.428.683	2.42
10	HAH	23/04/2026	56.8	2.530.600	1.085.997	2.33
11	EVF	23/04/2026	12.9	24.761.300	10.773.557	2.3
12	VHC	23/04/2026	62	1.735.200	779.180	2.23
13	SIP	23/04/2026	58.2	556.700	284.370	1.96
14	PVT	23/04/2026	23.8	18.557.600	9.535.550	1.95
15	CTI	23/04/2026	22.05	1.081.500	567.680	1.91
16	VSC	23/04/2026	22.1	10.788.400	5.825.364	1.85
17	POW	23/04/2026	12.75	21.685.400	12.130.213	1.79
18	VIB	23/04/2026	17.2	10.929.300	6.136.937	1.78
19	GEX	23/04/2026	39.55	14.005.900	8.257.117	1.7
20	MSB	23/04/2026	12.6	14.550.200	8.772.220	1.66
21	VRE	23/04/2026	29.05	10.079.200	6.124.314	1.65
22	EIB	23/04/2026	22.4	17.990.900	11.015.447	1.63
23	DPG	23/04/2026	42.1	927.200	573.127	1.62
24	HHV	23/04/2026	12.9	12.119.300	7.609.730	1.59
25	HDG	23/04/2026	26.65	4.674.700	3.018.990	1.55
26	NVL	23/04/2026	19.2	41.710.500	26.827.806	1.55
27	VIX	23/04/2026	16.85	53.326.200	35.854.672	1.49
28	VAB	23/04/2026	10.25	565.900	380.300	1.49



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	BID	23/04/2026	41.6	7.820.690	55.04	41.14	1.12
2	CTG	23/04/2026	35.5	7.105.410	55.36	35	1.44
3	DGW	23/04/2026	44.6	1.627.260	46.55	43.79	1.85
4	DPM	23/04/2026	27	4.166.140	39.33	25.42	6.22
5	DRI	23/04/2026	12.9	546.900	49.97	12.55	2.8
6	EVF	23/04/2026	12.9	8.194.530	38.4	12.9	0.03
7	GAS	23/04/2026	77.4	1.327.800	38.16	75.5	2.51
8	GVR	23/04/2026	32.6	3.382.920	47.77	30.88	5.58
9	HAG	23/04/2026	16.35	5.732.970	53.01	16.31	0.24
10	HPG	23/04/2026	27.8	39.450.608	52.14	27.19	2.24
11	KBC	23/04/2026	34.2	3.742.390	57.51	34.15	0.13
12	LPB	23/04/2026	46.5	1.466.580	56.24	43.96	5.78
13	MBB	23/04/2026	26.4	14.463.880	50.45	25.4	3.94
14	MWG	23/04/2026	84.5	7.071.900	53.52	80.42	05.07
15	PAN	23/04/2026	31.85	825.850	52.32	30.75	3.56
16	PVS	23/04/2026	37.4	3.589.970	39.07	35.51	5.33
17	QTP	23/04/2026	12.7	503.680	42.37	12.34	2.93
18	SAB	23/04/2026	48.2	817.090	66.09	46	4.78
19	TNG	23/04/2026	21.5	1.340.600	37.62	20.1	6.98
20	VCB	23/04/2026	62.8	8.667.700	63.39	62.01	1.27
21	VNM	23/04/2026	62	4.034.770	49.93	61.49	0.83
22	VPI	23/04/2026	59.2	3.459.420	53.53	56.31	5.12



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	VIC	214.5	207.2	4.860.460

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	CTD	86.7	84.17	818.050
2	HTN	8.25	8.16	284.910
3	NRC	6.7	6.7	1702480
4	VTD	7	6.9	507.140

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	APG	05.04	5.5	448.770
2	BMI	15.1	15.45	280.500
3	CST	13.8	14	28.470
4	DST	5.8	6.2	30.300
5	IMP	49.8	51.3	30.390
6	KDC	46.8	47.5	321.560
7	MCP	26.8	26.85	15.380
8	PVB	27.7	28	99.700
9	PVG	6.4	6.5	90.580
10	PXL	12.8	13	58.000
11	SJE	15.2	15.5	55.580
12	VPX	27.65	27.95	1.341.190

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	APG	05.04	4.89	448.770
2	BMI	15.1	14.84	280.500
3	CST	13.8	13.8	28.470
4	KDC	46.8	44.75	321.560
5	PCF	3.5	3.4	14.520
6	SJE	15.2	14.9	55.580
7	VPX	27.65	27.15	1.341.190



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BID	41.6	41.14	7.820.690
2	CTG	35.5	35	7.105.410
3	SAB	48.2	46	817090
4	VCB	62.8	62.01	8.667.700

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	FCN	13.4	13.38	1.108.860
2	HDC	18.7	18.7	2.528.570
3	KSB	16.2	16.2	1194080
4	MBB	26.4	26.3	14.463.880
5	VCG	22.7	22.16	8.909.100

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTG	35.5	35.41	7.105.410
2	HUT	16.5	16.37	2.392.370
3	PVT	23.8	22.99	7187960
4	SAB	48.2	45.73	817.090
5	VCB	62.8	60.72	8.667.700
6	VCI	27.15	27.02	7.783.340



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	MSN	78.2	78.61	6.228.120
2	POW	12.75	12.77	11.740.720
3	REE	62.2	63.93	997330
4	TVN	8.2	8.26	545.180

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.5	23.57	9.195.110
2	ANV	24.15	24.72	841.850
3	BVB	12.5	12.55	1602120
4	CRC	9.35	9.41	3.908.640
5	DCM	43.4	44.77	3.882.850
6	DXG	14.5	14.58	13.999.570
7	EIB	22.4	22.48	14.478.860
8	EVF	12.9	13.46	8.194.530
9	NLG	27.95	27.97	2296000
10	PDR	16.5	16.1	8906620
11	REE	62.2	64.2	997330
12	SHB	14.8	15.07	83572112

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.2	07.03	817.470
2	AAV	8	8.2	1.245.300
3	ANV	24.15	24.28	841850
4	BCM	54.3	54.6	579.930
5	DGC	53.5	53.57	2.899.840
7	DPG	42.1	42.32	630190
8	EVG	6.5	6.63	570360
9	PNJ	71.7	72.48	1123300
10	POW	12.75	12.97	11740720
11	SHB	14.8	15.13	83572112
12	SSI	27.95	28.4	21667310
13	TCM	23.15	23.19	1153470
14	VND	16.25	16.35	9109670
15	YEG	9.98	10.14	1260550



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	23/04/2026	13.95	13.7	14.2	3.65	40,080
2	VTZ	23/04/2026	20	19.7	20.6	4.57	991,640
3	ODE	23/04/2026	46.1	43.8	46.3	5.71	16,580
4	VSH	23/04/2026	43.25	42	44.5	5.95	6,900
5	SSB	23/04/2026	16.7	16.3	17.35	6.44	2,105,480
6	PPT	23/04/2026	15.4	15.1	16.1	6.62	197,520
7	MCP	23/04/2026	26.8	26.7	28.5	6.74	8,140
8	SBG	23/04/2026	11.75	11.25	12.5	7.11	108,760
9	HPD	23/04/2026	16.5	15.8	17	7.59	5,480
10	GDT	23/04/2026	19	18.75	20.2	7.73	9,240
11	HWS	23/04/2026	15.1	14.3	15.5	8.39	8,360
12	PGB	23/04/2026	11.7	11.5	12.5	8.7	27,920
13	SLS	23/04/2026	156.2	150.9	165	9.34	6,880
14	DHG	23/04/2026	99.6	98	107.4	9.59	15,880
15	TNH	23/04/2026	10.15	9.98	10.95	9.72	159,460



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009